TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM D, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 344/2024/DS-ST
Ngày 11 - 11- 2024
V/v tranh hợp đồng hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM D, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Chuộng

Ông Nguyễn Văn Hiển

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là thư ký Toà án nhân dân huyện Đầm D.

Ngày 11 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm D xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 621/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2024 về việc "tranh chấp hợp đồng hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 419/2024/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thúy Ph, sinh năm 1966; Địa chỉ cư trú: Khóm 5, thị trấn Đầm D, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:*

+ Ông Huỳnh Vũ S, sinh năm 1982; Địa chỉ cư trú: Ấp Xóm M, xã Tạ An Khương Đ, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

+ Bà Lê Kiều D, sinh năm 1980; Địa chỉ cư trú: Ấp Xóm M, xã Tạ An Khương Đ, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Bà Phan Thúy Ph trình bày:*

Bà D và ông S có tham gia hụi do bà làm chủ, cụ thể như sau:

- Dây hụi thứ nhất: Mở ngày 05/7/2014, loại hụi 1.000.000 đồng, gồm 43 phần, mỗi tháng khui 1 lần, ông S và bà D tham gia 1 phần. Quá trình tham gia hụi đến kì khui thứ 2 bà D và ông S bỏ 307.000 đồng, hốt được số tiền 28.913.000 đồng, góp hụi chết được 27 kỳ, lần thứ 28 góp 300.000 đồng, còn lại 15.700.000 đồng. Dây hụi này đã mãn vào ngày 05/5/2018.

- Dây hụi thứ hai: Mở ngày 05/4/2015, loại hụi 1.000.000 đồng, gồm 41 phần, mỗi tháng khui 1 lần, ông S và bà D tham gia 1 phần. Quá trình tham gia hụi đến kì khui thứ 14 bà D và ông S bỏ 390.000 đồng, hốt được số tiền 28.970.000 đồng, góp hụi chết được 19 kỳ, còn lại 22 kỳ chưa góp bằng 22.000.000 đồng. Dây hụi này đã mãn vào ngày 05/11/2018.

Vào năm 2020 chị D đến nhà hứa hẹn trả dần mỗi tháng 700.000 đồng nhưng không thực hiện đúng thoả thuận nên vào năm 2022 bà khởi kiện. Khi Toà án mời đến giải quyết thì chị D làm cam kết thừa nhận còn nợ bà số tiền hụi 36.000.000 đồng và hứa hẹn trả mỗi tháng 1.000.000 đồng nên bà rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, chị D chỉ thanh toán được 3.700.000 đồng, còn lại số tiền 32.300.000 đồng. Nay bà Ph yêu cầu chị D và anh S có nghĩa vụ trả cho bà số tiền hụi 32.300.000 đồng.

* *Chị Lê Kiều D trình bày:*

Chị có tham gia hụi như bà Ph trình bày là đúng. Vào thời điểm năm 2022 khi bà Ph khởi kiện chị chị có làm cam kết thừa nhận còn nợ bà Ph số tiền 36.000.000 đồng, hứa trả bà Ph mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời điểm bắt đầu trả được thực hiện vào ngày 20/3/2023 dương lịch. Tính đến nay đã thanh toán được 6.000.000 đồng, việc thanh toán được thực hiện qua hình thức chuyển khoản. Tuy nhiên, do chị không chứng minh được việc thanh toán nên thống nhất theo trình bày của bà Ph là đã thanh toán được 3.700.000 đồng, còn nợ 32.300.000 đồng.

Chị D xác định chị tham gia hụi của bà Ph anh S không biết, số tiền hốt hụi để sử dụng vào việc tiêu xài cá nhân. Nay qua yêu cầu khởi kiện của bà Ph, yêu cầu chị cùng anh S trả cho bà số tiền hụi 32.300.000 đồng chị không đồng ý. Bởi lẽ khoản nợ hụi này không liên quan đến anh S, là nợ riêng của chị, chị chịu trách nhiệm trả cho bà Ph số tiền hụi 32.300.000 đồng.

* *Đối với anh Huỳnh Vũ S:* Mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng để biết yêu cầu khởi kiện của bà Ph nhưng anh S không có ý kiến đối với nội dung và yêu cầu khởi kiện của bà Ph và không tham gia hòa giải, xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Huỳnh Vũ S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[2] Về nội dung: Bà Ph khởi kiện yêu cầu chị D và anh S yêu cầu trả số tiền hụi còn nợ 32.300.000 đồng. Thấy rằng, việc bà Ph cho rằng chị D có tham gia hụi do bà Ph làm chủ, tính đến năm 2022 số tiền chị D còn nợ bà Ph là 36.000.000 đồng, đã thanh toán được 3.700.000 đồng được chị D thừa nhận nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nghĩa vụ thanh toán: Theo chị D xác định việc chị tham gia hụi anh S không biết, chị hốt hụi cũng để chi sài cá nhân nhưng không chứng minh được vấn đề này trong khi giao dịch và số nợ này phát sinh trong thời gian chị D và anh S còn tồn tại mối quan hệ hôn nhân. Anh S không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà Ph. Do đó, buộc anh S phải cùng có nghĩa vụ với chị D trả nợ cho bà Ph là phù hợp.

Từ các lập luận nêu trên có có sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ph. Buộc anh S và chị D có nghĩa vụ trả cho bà Ph số tiền hụi 32.300.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự: Bà Ph không phải chịu do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận. Anh S và chị D phải chịu 1.615.000 đồng (32.300.000 đồng x 5% = 1.615.000 đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92; Điều 147, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 471 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thúy Ph. Buộc chị Lê Kiều D và anh Huỳnh Vũ S trả cho ông trả cho bà Phan Thúy Ph số tiền 32.300.000 đồng (ba mươi hai triệu ba trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bà Ph có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị D và anh S chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng chị D và anh S còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí dân sự: Bà Phan Thúy Ph không phải chịu. Bà Ph đã nộp tạm ứng án phí số tiền 808.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001851 ngày 08/10/2024 được nhận lại. Chị Lê Kiều D và anh Huỳnh Vũ S phải chịu 1.615.000 đồng (một triệu sáu trăm mười lăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm D;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm D;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)
Huỳnh Ngọc Mai